

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3844** /STC-GCS  
V/v đề nghị đăng tải thông tin  
để lấy ý kiến góp ý văn bản  
QPPL

Quảng Trị, ngày **26** tháng 11 năm 2019

Kính gửi: Văn phòng UBND tỉnh

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 của TTTT 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07/12/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường: "Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hàng năm mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển cụ thể trên địa bàn thuộc thẩm quyền giao của địa phương".

Trên cơ sở đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2789/STNMT-BHĐKTTV ngày 30/8/2019, Sở Tài chính dự thảo Quyết định quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển nhất định thuộc địa giới hành chính trên biển của tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ Điều 120 và Điều 129 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015, Sở Tài chính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải nội dung Dự thảo Quyết định để các cơ quan, tổ chức và cá nhân góp ý kiến.

Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh quan tâm, phối hợp thực hiện./.

(Dự thảo Quyết định kèm theo Công văn) *qj*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- GD, PGĐ (Lê Thị Thanh);
- Lưu: VT,QLG-CS<sub>(Giang)</sub> (01 bản).

**KT.GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC** *hr*



**Lê Thị Thanh**

Số /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2020

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỨC THU TIỀN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN ĐỂ  
KHAİ THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN BIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH  
QUẢNG TRỊ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 198/2015/TTLT-BTC-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp tính, phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền sử dụng khu vực biển;

Thực hiện Công văn số...../HĐND-TT ngày ....../.../20... của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với từng hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quyết định này quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển nhất định thuộc địa giới hành chính trên biển của tỉnh Quảng Trị cho tổ chức, cá nhân để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo giấy chứng nhận đầu tư, giấy phép hoặc quyết định cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

b) Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp giao khu vực biển để thăm dò, khai thác dầu khí; khai thác thủy sản; cho thuê mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản; giao khu vực biển để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định tại Nghị định 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ.

b) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 2. Các hoạt động sử dụng biển để khai thác, sử dụng tài nguyên biển phải nộp tiền sử dụng khu vực biển và mức thu tiền sử dụng khu vực biển**

1. Mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển, được quy định như sau:

a) Nhóm 1: Sử dụng khu vực biển để khai thác năng lượng gió, sóng, thủy triều, dòng hải lưu. Mức thu: 3.000.000 đồng/ha/năm.

b) Nhóm 2: Sử dụng khu vực biển để xây dựng hệ thống ống dẫn ngầm, lắp đặt cáp viễn thông, cáp điện. Mức thu: 4.000.000 đồng/ha/năm.

c) Nhóm 3: Sử dụng khu vực biển để xây dựng các công trình nổi, ngầm, đảo nhân tạo, công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển. Mức thu: 5.000.000 đồng/ha/năm. Riêng đối với công trình xây dựng dân dụng trên biển, các hoạt động lấn biển thực hiện thu tiền thuê đất và sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

d) Nhóm 4: Sử dụng khu vực biển để làm vùng nước cảng biển, cảng nổi, cảng dầu khí và các cảng, bến khác (gồm: Vùng nước trước cầu cảng, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch; vùng để xây dựng luồng cảng biển và các công trình phụ trợ khác), vùng nước phục vụ hoạt động cơ sở sửa chữa, đóng mới tàu biển, xây dựng cảng cá, bến cá; vùng nước phục vụ hoạt động vui chơi, giải trí, đón trả khách, khu neo đậu, trú nghỉ đêm của tàu thuyền du lịch; thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nước biển làm mát cho các nhà máy; trục vớt hiện vật, khảo cổ. Mức thu: 6.000.000 đồng/ha/năm.

đ) Nhóm 5: Sử dụng khu vực biển để đổ thải bùn nạo vét. Mức thu: 7.500.000 đồng/ha/năm.

e) Nhóm 6: Các hoạt động sử dụng khu vực biển khác. Mức thu: 3.000.000 đồng/ha/năm.

2. Trường hợp trên cùng một không gian biển có nhiều tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển vào các hoạt động khác nhau theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì việc thu tiền sử dụng khu vực biển được thực hiện đối với từng tổ chức, cá nhân tương ứng với từng loại hoạt động sử dụng khu vực biển.

3. Trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển sử dụng vào các hoạt động khác nhau theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì việc thu tiền sử

dụng khu vực biển được thực hiện tương ứng với từng loại hoạt động sử dụng khu vực biển.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày....tháng....năm 2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành cấp tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và môi trường, báo cáo UBND tỉnh để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các Phó CVP;
- Lưu: VT, NN, TM.

Sở Tài chính trình ký

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC** *ky*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Thanh**